

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2021/HS-ST

Ngày 30 - 08 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hải

Bà Lò Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 137/2021/HSST ngày 28 tháng 7 năm 2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đào Thị N** (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1963, tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 07/10 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Xuân T - Đã chết và bà Phí Thị T - Sinh năm: 1938; Chồng ông Nguyễn Vũ H - Sinh năm: 1967; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 11/5/2021, đến ngày 18/5/2021 sau đó áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lò Thị N - sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

- Ông Nguyễn Vũ H; Nơi cư trú: Số nhà 220, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/01/2021, Lò Thị N, trú tại bản Nà Luống, xã Nà Tấu, thành phố Đ đến nhà Đào Thị N ở phường M, thành phố Đ hỏi vay 50.000.000 đồng, trong thời hạn 01 tháng. N và N thỏa thuận lãi suất là 12.000.000 đồng/01 tháng, tương đương mức 292%/năm. N ghi giấy nhận tiền với nội dung cho Lò Thị N vay 62.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng là tiền gốc và 12.000.000 đồng là tiền lãi) từ 07/01/2021 đến 07/02/2021, cả hai cùng ký xác nhận và bị cáo N đưa 50.000.000 đồng cho bà N vay. Đến ngày 07/02/2021, N sử dụng điện thoại Samsung A10S màu đỏ đen của mình gọi điện và nhắn tin bảo N trả tiền, do chưa có tiền bà N khất N qua tết trả. Đến ngày 09/4/2021, N đến nhà bà N lấy 6.000.000 đồng tiền lãi. Khoảng giữa tháng 4/2021 N tiếp tục dùng điện thoại của mình gọi điện cho bà N đến nhà chốt nợ. Tại đây hai bên chốt lại số tiền lãi từ ngày 07/01/2021 đến ngày 07/5/2021, là 48.000.000 đồng, đã trả 6.000.000 đồng. N ghi vào giấy nhận tiền với nội dung cho bà N vay 92.000.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 42.000.000 đồng tiền lãi), từ ngày 07/01/2021 đến ngày 07/5/2021, hẹn đến ngày 07/5/2021 trả cả gốc và lãi. Đến sáng ngày 10/5/2021, bà N chuyển trả tiếp 42.000.000 đồng tiền lãi vào tài khoản cho N như đã thỏa thuận. Như vậy bà N đã trả cho N tổng cộng 48.000.000 đồng tiền lãi, mà theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tiền lãi tối đa N được thu là 3.287.671 đồng, N thu lời bất chính 44.712.329 đồng. Chiều ngày 10/5/2021 bà N trả cho N 5.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 45.000.000 đồng tiền gốc.

Tại Bản kết luận giám định số 507/GĐ-PC09 ngày 17/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Chữ viết ở phần nội dung trên ba tài liệu gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3 với chữ viết đứng tên Đào Thị N trên mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người viết ra. Do chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 và chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M không ổn định nên không đủ điều kiện để giám định.

Tại Bản cáo trạng số: 84/CT- VKSTPĐBP ngày 27/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Đào Thị N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị N trình bày: Ngày 07/01/2021, bà N có vay của bị cáo 50.000.000đ với lãi suất là 12.000.000/1 tháng. Ngày 09/4/2021 bà N trả cho bị cáo 6.000.000đ tiền lãi, sáng ngày 10/5/2021 bà N chuyển khoản trả cho bị cáo 42.000.000 tiền lãi, tổng cộng bà N đã trả cho bị cáo 48.000.000 tiền lãi, chiều ngày 10/5/2021 bà N trả cho bị cáo được 5.000.000đ tiền gốc, bà N còn nợ bị cáo 45 triệu đồng nợ gốc. Bà N đề nghị Tòa án giải quyết về số tiền gốc bà N vay bị cáo và số tiền lãi bà N đã trả cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ H trình bày: Tại thời điểm 07/01/2021, bị cáo N cho bà N vay lãi nặng ông H không biết. Đến khi bà N không trả nợ đúng hạn thì bị cáo N mới cho ông biết là N nợ tiền chưa trả (nợ bao nhiêu, lãi như thế nào ông H không biết) nên ông có gọi điện cho bà N yêu cầu trả nợ và chiều ngày 10/5/2021 khi ông đang đi bộ thì bị cáo N gọi ông về ký vào giấy vay tiền,

nên ông ký còn thỏa thuận giữa bị cáo và bà N cụ thể như thế nào ông không biết. Số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo N cho bà N vay là tiền của bị cáo N, không liên quan đến ông. Ông H không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước của Đào Thị N 8.287.671 đồng, là tiền gốc và tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị N đã trả cho bị cáo; Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước của Lò Thị N 45.000.000 đồng là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội cho N vay nhưng chưa trả; Buộc bị cáo N phải trả Lò Thị N 44.712.329 đồng tiền thu lợi bất chính. Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước 01 điện thoại Samsung A10S màu đỏ đen của bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Đại diện viện Kiểm sát, không có tranh luận gì với viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lò Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Ngày 07/01/2021, tại phường M, thành phố Đ, Đào Thị N đã cho Lò Thị N vay 50.000.000 đồng với lãi suất 12.000.000 đồng /tháng tương đương 292%/năm, cao hơn gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, bị cáo đã thu được 48.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi tối đa N được thu theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 3.287.671 đồng, bị cáo đã thu lời bất chính là 44.712.329 đồng. Bà N đã trả

cho bị cáo 5.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 45.000.000 đồng tiền gốc.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng vì ham lãi nên vẫn cố ý thực hiện hành vi. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, túng quẫn, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bố, mẹ đẻ của bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, bản thân bị cáo được Bộ trưởng Bộ y tế tặng kỷ niệm chương vì đã có nhiều công hiến cho sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy rằng:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 55.000.000đ đến 60.000.000đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[8] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo đã nghỉ hưu, hình phạt chính của bị cáo là phạt tiền. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[10] Các vấn đề khác:

Hồ sơ vụ án còn thể hiện bị cáo N còn cho vay đối với bà Hà Thị Thủy, bà Nguyễn Thị Châu Loan, bà Hoàng Thị Hiền, Nguyễn Thị Út Thanh, bà Tạ Thị Hồng Loan, bà Vũ Thị Huyền. Do không đủ căn cứ xác định bị cáo có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với những người này, nên cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Vũ H là chồng của bị cáo không biết bị cáo cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; Điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) mà bị cáo dùng để cho bà Lò Thị N vay, bà N đã trả cho bị cáo được 5.000.000đ, còn 45.000.000đ bà N đang chiếm hữu. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước, cụ thể: Tịch thu của bà Lò Thị N số tiền 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng; Tịch thu của bị cáo Đào Thị N số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng .

Đối với số tiền lãi 3.287.671 đồng mà bị cáo thu của người vay bà N không vượt quá 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền này tuy không vượt quá 20%/năm theo quy định nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi 44.712.329 đồng mà bị cáo thu của người vay bà N vượt quá theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cần buộc bị cáo phải trả lại cho bà Lò Thị N.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung A10S, màu đỏ đen của bị cáo, bị cáo đã sử dụng để nhắn tin, gọi điện cho bà N về việc cho vay lãi nặng do vậy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 48.000.000đ mà cơ quan Công an tạm giữ của bị cáo Đào Thị N cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[12] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đào Thị N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Đào Thị N 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; Điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Về biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu của bà Lò Thị N số tiền 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng sung ngân sách nhà nước (chưa thu).

+ Tịch thu của bị cáo Đào Thị N số tiền 8.287.671 (tám triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi một đồng) đồng sung ngân sách nhà nước (chưa thu).

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đào Thị N phải trả cho bà Lò Thị N 44.712.329 (bốn mươi bốn triệu, bảy trăm mười hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung A10S, màu đỏ đen, có số IMEI 1: 358176102419344, số IMEI 2: 358177102419342, điện thoại đã qua sử dụng.

+ Tạm giữ của bị cáo Đào Thị N số tiền 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/7/2021 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/TB -TA

Đ, ngày tháng năm 2021

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 145/2021/HS-ST, ngày 30/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên **có lỗi** cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

Về nội dung tại dòng 03 từ trên xuống trang 6 của Bản sơ thẩm nêu trên đã ghi: “Xử phạt bị cáo Đào Thị N 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

“Xử phạt bị cáo Đào Thị N 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

